

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019

V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Ông Đặng Văn Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: số 281, ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1992; địa chỉ: số 281, ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim C do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng

thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống với nhau. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim C. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thị Hà M, sinh ngày 27/01/2012 và Đỗ Trọng P, sinh ngày 11/01/2015 (hiện do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Đ có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Trần Thị Kim C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị C vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị Kim C quen do mai mối và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 23/9/2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị C đánh bạc gây nợ dẫn đến vợ chồng bất hòa. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị C. Chị C không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thị Hà M - Sinh ngày 27/01/2012 và Đỗ Trọng P - Sinh ngày 11/01/2015, hiện cháu M và cháu P đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện tại cháu M và cháu P đang sống với anh Đ và phát triển bình thường, cháu M có nguyện vọng sống chung với anh Đ. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu M và cháu P nên để anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu P là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn Đ đối với chị Trần Thị Kim C.
- Anh Đỗ Văn Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hà M - Sinh ngày 27/01/2012 và Đỗ Trọng P - Sinh ngày 11/01/2015; chị Trần Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đỗ Văn Đ yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim C, chị C có nơi cư trú ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Kim C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị C là có căn cứ.

[3] Anh Đỗ Văn Đ yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim C. Anh Đ và chị C có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh Đ trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh Đ yêu cầu ly hôn và triệu tập chị C tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị C vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị C đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, chị C không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống với nhau. Trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn Đ là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thị Hà M, sinh ngày 27/01/2012 và Đỗ Trọng P, sinh ngày 11/01/2015 (hiện do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu M, cháu P do anh Đ trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Trong quá trình giải quyết chị C cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này anh Đ. Do đó, để anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, cháu P là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh Đ trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Đ đối với chị Trần Thị Kim C.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Kim C.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 125, ngày 23 tháng 9 năm 2011** do Ủy ban nhân dân **xã Long Kiến**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho **anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị Kim C** không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Văn Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Thị Hà M, sinh ngày 27/01/2012 và Đỗ Trọng P, sinh ngày 11/01/2015 (hiện do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Trần Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị Kim C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Đỗ Văn Đ xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì anh Đỗ Văn Đ và chị Trần Thị Kim C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Đỗ Văn Đ phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0000544 do C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02/01/2019. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- C cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

